TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 4 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Phi Yến
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Liễu
Bà Võ Thị Yến Lan

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu L, sinh năm 1971; Địa chỉ: 164 đường N, tổ 93, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1969; Địa chỉ: 2 AC, Br, ON L3Z 0L1, Canada (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990 nhưng đến năm 1995 mới làm thủ tục kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ). Sau khi kết hôn, bà và ông G chung sống tại nhà cha mẹ của ông G.

Đến năm 2019 vì cuộc sống khó khăn ông G sang Canada để kiếm việc làm. Từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không thường xuyên liên lạc nên tình cảm ngày càng phai nhạt, cả hai không có sự chia sẻ nhau trong tình cảm vợ chồng. Tính đến nay vợ chồng đã xa nhau 04 năm, hai bên không có khả năng hàn gắn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông G.

Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông G không có 04 con chung gồm: Nguyễn Hữu N, sinh ngày 23/8/1992; Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/11/1995; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/11/1997; Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 11/6/2003. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã gởi Thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn G. Đến ngày 06/02/2023, Tòa án nhận được Đơn trình bày ghi ngày 24/10/2022 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/10/2022 của ông Nguyễn Văn G với nội dung như sau:

Ông và bà Bùi Thị Thu L tự nguyện yêu nhau và kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ). Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng vì cuộc sống khó khăn nên ông sang định cư tại Canada vào năm 2019. Từ đó, đến nay vợ chồng xa cách, không thường xuyên trò chuyện nên tình cảm nhạt phai, hiện tại tình yêu thương của vợ chồng không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 4 con chung gồm: Nguyễn Hữu N, sinh ngày 23/8/1992; Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/11/1995; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/11/1997; Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 11/6/2003. Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Hiện nay do điều kiện ở xa và công việc làm ăn bận rộn nên ông không thể về Việt Nam để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa được nên ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn G qua dịch vụ bưu chính. Theo đó, ngày 06/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt ông. Do đó, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông G.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu L và ông Nguyễn Văn G chung sống với nhau từ năm 1990 và tự nguyện kết hôn vào ngày 30/6/1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ), do đó quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông G được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, bà L và ông G chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019, ông G sang lại Canada làm ăn sinh sống, khoảng cách về mặt địa lý dẫn đến cả hai không có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng, từ đó tình cảm vợ chồng ngày rạn nứt. HĐXX xét thấy, thực tế bà L và ông G không còn chung sống với nhau đã 4 năm, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà L yêu cầu được ly hôn ông G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Mặt khác, ông G có ý kiến đồng ý ly hôn với bà L. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông G.

[4] Về con chung: Bà Liên và ông G xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 04 con chung gồm Nguyễn Hữu N, sinh ngày 23/8/1992; Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 03/11/1995; Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 04/11/1997; Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 11/6/2003. Các con đều đã đến tuổi trưởng thành nên bà L và ông G không yêu cầu giải quyết, do đó HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông G xác định không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Bùi Thị Thu L đối với ông Nguyễn Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu L được ly hôn ông Nguyễn Văn G.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thu L phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004980 ngày 21/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, bà L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Thu L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- VKSND TP ĐN;
- Cục THADS TP ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến